

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày: 05 - 02 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Cao Trọng Mạnh**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Bà Danh Thị Sà Ron** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Ông Trần Chí Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Danh Thị Ngọc H; sinh năm 1985. Tại G, Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 328/29 đường Q, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh T và bà Thị Q1 (H) (đã chết); Anh chị em ruột có 06 người, lớn nhất (không nhớ năm sinh), nhỏ nhất sinh năm 1995; Chồng: Danh T1; Con có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: **Nguyễn Ngọc H1 (C), sinh năm 1989 (Có mặt)**

Trương Văn M, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Số 328/1 đường Q, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Cùng địa chỉ: Số nhà E12 – 21 đường N, khu phố 5, phường H2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 4/2020 chị H1 mua con heo đất cho con gái Trương Tuyết N1 và hàng ngày anh Trương Văn M bỏ vào ống heo để tiết kiệm cho N1 số tiền 500.000 đồng, đến khoảng đầu tháng 5/2020 chị Ngọc H1 có thuê bị cáo H làm việc nhà từ 09 giờ sáng đến 14 giờ chiều, mỗi tháng chị H1 trả tiền công cho bị cáo H 5.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc nhà, bị cáo H phát hiện hàng ngày anh M bỏ ống heo cho N1 500.000 đồng nên nảy sinh ý định trộm tiền. Đến cuối tháng 5/2020 (không nhớ ngày) bị cáo H lợi dụng dọn dẹp phòng của N1, không có ai trong phòng nên bị cáo H lấy cây nhíp nhỏ lông mày có sẵn trong phòng gấp tiền trong ống heo của N1 lấy được số tiền 3.000.000 đồng và để heo đất lại chỗ cũ. Sau đó, khoảng từ 02 đến 03 ngày hoặc 01 tuần thì bị cáo H lấy trộm 01 lần, mỗi lần lấy ít nhất là 2.000.000 đồng, nhiều nhất là 3.000.000 đồng (tất cả số tiền bị cáo H lấy trộm đều là tờ mệnh giá 500.000 đồng), không nhớ rõ số lần lấy trộm tiền. Số tiền trộm cắp có được bị cáo H dùng vào việc tiêu xài trong gia đình, đóng tiền góp và trả tiền vay Ngân hàng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/9/2020, chị H1 lên phòng của N1 kiểm tra phát hiện con heo đất có dấu hiệu bị móc tiền nên điện thoại cho anh Mền về. Sau khi anh M về kiểm tra thấy heo đất nhẹ nên đập ra xem thì chỉ còn số tiền 3.220.000 đồng. Sau đó, anh M điện thoại cho bị cáo H đến nhà để hỏi và bị cáo H thừa nhận có lấy tiền trộm trong heo đất nên anh M đã trình báo Công an phường H2. Tại trụ sở Công an phường H2 bị cáo cũng thừa nhận hành vi trộm cắp của mình nhưng không nhớ đã lấy tiền bao nhiêu lần, chỉ biết từ khi lấy đến khi phát hiện được số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 02/11/2020, bị cáo H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G khởi tố.

(Bút lục số 24 đến 30, 32 đến 36, 38, 40, 42, 46, 54 đến 62).

*** Vật chứng trong vụ án:**

- Tiền Việt Nam 3.220.000 đồng gồm 06 tờ mệnh giá 500.000 đồng (trong đó có 01 tờ tiền bị rách làm hai), 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng;
- 01 (Một) con heo đất dùng để bỏ tiền, màu trắng, trên thân có sơn màu vàng, đỏ, đen đã bị đập vỡ ra;
- 01 (Một) cây nhíp bằng kim loại màu ánh kim, dài 09cm, trên thân có chữ N-400 Made in Việt Nam, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc H1 và Trương Văn M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 75.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng chưa có tiền bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSRG, ngày 05 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an thành phố G và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Danh Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Danh Thị Ngọc H từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) con heo đất dùng để bỏ tiền, màu trắng, trên thân có sơn màu vàng, đỏ, đen đã bị đập vỡ ra.

- Đối với 01 (Một) cây nhíp bằng kim loại màu ánh kim, dài 09cm, trên thân có chữ N-400 Made in Việt Nam, đã qua sử dụng của chị H1, anh M, tại phiên Tòa chị H1 từ chối nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 15/QĐ-VKS ngày 05/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G)

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trả cho bà H1, ông M tiền Việt Nam 3.220.000 đồng gồm 06 tờ mệnh giá 500.000 đồng (trong đó có 01 tờ tiền bị rách làm hai), 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng. Đã trả xong.

Về phần dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc H1 và Trương Văn M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 75.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường sau khi án có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo:** Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Danh Thị Ngọc H: Để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ bị cáo H đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tiền

trong con heo đất để trong phòng ngủ số 02 trên lầu 1 của anh Trương Văn M và chị Nguyễn Ngọc H1, địa chỉ số E12-21 đường N, khu phố 5, phường H2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo Danh Thị Ngọc H trộm nhiều lần; trộm lần thấp nhất với số tiền 2.000.000 đồng, lần cao nhất là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H trộm được là 50.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, nội dung bản cáo trạng và lời khai của người bị hại, cùng với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Danh Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo tự thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nghiêm trọng, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo muốn có tiền tiêu xài, nhưng không phải tốn nhiều công sức lao động, bất chấp hậu quả xảy ra nên bị cáo lợi dụng công việc đang làm, thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an của địa phương, gây bất an trong nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, nhằm thể hiện sự răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã cho thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trương Văn M và chị Nguyễn Ngọc H1 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 75.000.000 đồng, bị cáo H đồng ý bồi thường sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) con heo đất dùng để bỏ tiền, màu trắng, trên thân có sơn màu vàng, đỏ, đen đã bị đập vỡ ra; 01 (Một) cây nhíp bằng kim loại

màu ánh kim, dài 09cm, trên thân có chữ N-400 Made in Việt Nam, đã qua sử dụng do bị hại từ chối nhận lại.

Hoàn trả cho chị H1, anh M tiền Việt Nam 3.220.000 đồng gồm 06 tờ mệnh giá 500.000 đồng (trong đó có 01 tờ tiền bị rách làm hai), 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng. Đã trả xong.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự hạ khung hình phạt đối với bị cáo, xét thấy, bị cáo tuy có 02 tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng và bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt cho bị cáo, ngoài ra, bị cáo chưa có bồi thường thiệt hại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không thống nhất.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự; xét thấy trước khi mở phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường và bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của người bị hại; tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên sự tự nguyện bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; do đó, căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Danh Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Danh Thị Ngọc Hạnh mức án 02 (*Hai*) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015; ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh Thị Ngọc H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Trương Văn M và chị Nguyễn Ngọc H1 số tiền 75.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu tiền lãi đối với khoản tiền chậm thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (*Một*) con heo đất dùng để bỏ tiền, màu trắng, trên thân có sơn màu vàng, đỏ, đen đã bị đập vỡ ra; 01 (*Một*) cây nhíp bằng kim loại

màu ánh kim, dài 09cm, trên thân có chữ N-400 Made in Việt Nam, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 15/QĐ-VKS ngày 05/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; buộc bị cáo Danh Thị Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/02/2021). Bị hại anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Dân sự Tp.G;
- Công an thành phố G;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thùy Linh